

Số: 15 /2025/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo gồm:

1. Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành khoản 15 Điều 14 của Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

2. Quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực biển và hải đảo khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan về quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THU HỒI KHU VỰC BIỂN ĐÃ GIAO ĐỂ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 3. Trình tự, thủ tục thu hồi khu vực biển đã giao để nuôi trồng thủy sản

Trình tự, thủ tục thu hồi khu vực biển đã giao để nuôi trồng thủy sản thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN TRONG LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO KHI TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

Điều 4. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 36/2010/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra khảo sát, đánh giá hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái cỏ biển và đất ngập nước vùng ven biển và hải đảo

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 3.

2. Thay thế cụm từ “các huyện ven biển” bằng cụm từ “các xã có biển” tại Mục 1.2 Chương II của Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra khảo sát, đánh giá hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái cỏ biển và đất ngập nước vùng ven biển và hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 18/2016/TT-BTNMT ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về hồ sơ tài nguyên hải đảo, hướng dẫn việc lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 5 như sau:

“d) Vị trí của hải đảo: ghi thông tin về đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh; Khoảng cách từ hải đảo đến trung tâm hành chính của cấp xã, tỉnh và Khoảng cách tới cảng biển gần nhất trong đất liền;”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Việc thẩm định hồ sơ tài nguyên hải đảo phải được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập với cơ cấu gồm: 01 Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, 01 Phó Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, 02 Ủy viên phản biện, 01 Ủy viên thư ký là cán bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường và các ủy viên khác là đại diện của các Sở: Nội vụ, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngoại vụ (nếu có), đại diện Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh và một số chuyên gia, nhà khoa học.”

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã: sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân xã, đặc khu nơi có hải đảo lập, cập nhật, quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo.”

4. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 12 và khoản 2 Điều 14, khoản 3 Điều 16; cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 và khoản 3 Điều 10; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 11; khoản 1 Điều 12; Điều 13; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 15; mẫu số 06/QĐPD và mẫu số 07/QĐPDCN.

Thay thế cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 12, khoản 2 Điều 14.

5. Bỏ từ “-huyện:” tại Mẫu số 03/PTY.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc xây dựng, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1, 4 Điều 5; khoản 2 Điều 7; điểm e, g khoản 1 Điều 8; khoản 4 Điều 9; khoản 1 Điều 18.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 7; điểm e khoản 1 Điều 8; khoản 2 Điều 15; khoản 3 Điều 18.

3. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 và khoản 4 Điều 5; khoản 4 Điều 7; điểm b, đ, e, g khoản 1, điểm c khoản 4, điểm b, c khoản 6 Điều 8; khoản 4 Điều 9.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã: sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 8 như sau:

“a) Các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có biển, Ủy ban nhân dân cấp xã có biển có trách nhiệm cung cấp dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường;”.

Điều 7. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 33.

2. Thay thế cụm từ “Tổng cục Thống kê” bằng cụm từ “Cục Thống kê”, cụm từ “Cục thống kê cấp tỉnh” bằng cụm từ “Chi Cục thống kê cấp tỉnh” tại điểm a, khoản 2 Điều 4.

3. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 33; khoản 2 Điều 35.

4. Bỏ cụm từ “tên viết tắt của cấp huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh” tại ghi chú trên mặt mộc tại Phụ lục 5 Quy cách mộc giới hành lang bảo vệ bờ biển ban hành kèm theo Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại Phụ lục 6 và Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 74/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ

1. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 18; cụm từ “Tổng cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 18.

2. Thay thế cụm từ “các huyện, thị ven biển và hải đảo” bằng cụm từ “các xã, đặc khu ven biển và hải đảo” tại Mục IV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 74/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điều, thay thế một số từ, cụm từ của Thông tư số 22/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:5.000

1. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 3.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a Mục 1.2.2 Chương II của Định mức kinh tế - kỹ thuật đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:5000 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường như sau:

“a) Đo sâu địa hình đáy biển bằng SBES: Đo theo tuyến

Loại KK1: Các mảnh bản đồ của khu vực biển sát ven bờ (giới hạn <07km, trừ các khu vực cửa sông, cảng biển) của các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh) từ Hải Phòng (trừ xã/đặc khu đảo Cát Hải) đến Đắk Lắk (trừ khu vực vịnh Xuân Đài), từ Khánh Hòa (trừ khu vực biển vịnh Vân Phong, vịnh Cam Ranh) đến An Giang (trừ khu vực xã/đặc khu đảo Kiên Hải).

Loại KK2: Các mảnh bản đồ thuộc vịnh Xuân Đài tỉnh Đắk Lắk, vịnh Vân Phong, vịnh Cam Ranh tỉnh Khánh Hòa và các mảnh bản đồ thuộc xã/đặc khu đảo Kiên Hải tỉnh An Giang. Các mảnh bản đồ thuộc khu vực biển ven bờ (giới hạn cách bờ, cách đảo từ 07km đến <14km) của các tỉnh từ Hải Phòng đến An Giang.

Loại KK3: Các mảnh bản đồ của khu vực biển sát bờ của tỉnh Quảng Ninh; các mảnh thuộc khu vực Vịnh Hạ Long, Vịnh Bái Tử Long và các mảnh bản đồ thuộc xã/đặc khu đảo Vân Đồn, xã/đặc khu đảo Cô Tô tỉnh Quảng Ninh; các mảnh bản đồ thuộc xã/đặc khu đảo Cát Hải, cụm đảo Long Châu, Bạch Long Vĩ Thành phố Hải Phòng; các khu vực hòn Mất Con tỉnh Nghệ An, Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị, khu vực Cù Lao Chàm, Hòn Ông TP.Đà Nẵng, khu vực Lý

Sơn tỉnh Quảng Ngãi, cụm đảo Phú Quý tỉnh Lâm Đồng, cụm đảo Côn Đảo Thành phố Hồ Chí Minh, cụm đảo Hòn Khoai tỉnh Cà Mau, cụm đảo An Thới, cụm đảo Nam Du, cụm đảo Thổ Chu tỉnh An Giang. Các mảnh bản đồ thuộc khu vực biển (giới hạn cách bờ, cách đảo từ 14km đến <20km) thuộc vùng biển của tất cả các tỉnh.

Loại KK4: Các mảnh bản đồ của khu vực cửa sông, cảng biển; khu vực dọc luồng tàu chạy theo hệ thống giao thông đường biển. Các mảnh bản đồ của khu vực biển cách bờ, cách đảo (có giới hạn từ 20km đến ≤ 30 km) của tất cả các tỉnh.

Loại KK5: Các mảnh bản đồ thuộc khu vực biển cách bờ, cách đảo (có giới hạn từ 30km đến ≤ 40 km) của tất cả các tỉnh.

Loại KK6: Các mảnh bản đồ thuộc khu vực biển cách bờ, cách đảo (có giới hạn từ 40km đến ≤ 50 km) của tất cả các tỉnh. Những mảnh bản đồ thuộc khu vực quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và DK.

Ghi chú: Loại KK của đo rà soát hải văn bằng SBES áp dụng loại KK tương ứng của phân loại khó khăn khi sử dụng SBES đo theo tuyến.”.

Điều 10. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 33/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy trình khắc phục sự cố tràn dầu trên biển

1. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 4 Điều 15, khoản 3 Điều 21, Phụ lục 05; cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 21.

2. Bỏ cụm từ “Có đường liên huyện” tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 11. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 52/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết bộ chỉ số và việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo

1. Thay thế cụm từ “cấp quận, huyện ven biển” bằng cụm từ “các xã, phường ven biển” tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 4; Các chỉ số 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 21 của Phụ lục I, II, III, V ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Thay thế cụm từ “quận/huyện/thành phố/thị xã?” bằng cụm từ “xã/phường/đặc khu?” tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 10, khoản 3 Điều 11.

Chương IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC THÔNG TƯ TRONG LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

Điều 12. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 33/2009/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật tàu nghiên cứu biển

Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” thành cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 3.

Điều 13. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 23/2010/TT-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về điều tra khảo sát, đánh giá hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái cỏ biển và đất ngập nước vùng ven biển và hải đảo

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 3 của Thông tư và khoản 1 Điều 38 của Quy định điều tra khảo sát, đánh giá hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái cỏ biển và đất ngập nước vùng ven biển và hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 23/2010/TT-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 38 của Quy định điều tra khảo sát, đánh giá hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái cỏ biển và đất ngập nước vùng ven biển và hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 23/2010/TT-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 14. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 24/2010/TT-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2010 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đo đạc, thành lập bản đồ địa hình đáy biển bằng máy đo sâu hồi âm đa tia

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 26.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 26.

Điều 15. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 25/2010/TT-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật cho 11 công tác điều tra địa chất khoáng sản biển và hải đảo

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 3 Thông tư và Mục 1 Chương IV Quy định kỹ thuật cho 11 công tác điều tra địa chất khoáng sản biển và hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 25/2010/TT-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Mục 2 Chương IV Quy định kỹ thuật cho 11 công tác điều tra địa chất khoáng sản biển và hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 25/2010/TT-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 16. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 37/2010/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật cho 10 công tác điều tra địa chất khoáng sản biển và hải đảo

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 3; cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Mục 6 Chương 1 của Định mức kinh tế - kỹ thuật cho 10 công tác điều tra địa chất - khoáng sản biển và hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 37/2010/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Sửa đổi, bổ sung Bảng 1 Mục 8 Chương 1 của Định mức kinh tế - kỹ thuật cho 10 công tác điều tra địa chất - khoáng sản biển và hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 37/2010/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường như sau:

Bảng 1

<i>TT</i>	<i>Vùng biển khảo sát được tính hệ số</i>	<i>Hệ số</i>
1	Quảng Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thành phố Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi	0,60
2	Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Lâm Đồng	0,55
3	TP. Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Thành phố Cần Thơ, Cà Mau, An Giang	0,50
4	Khu vực quần đảo Trường Sa - Hoàng Sa	1,00

Điều 17. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 27/2011/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm nghiệm và hiệu chỉnh một số thiết bị đo đạc bản đồ biển

Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” thành cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam”; cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2011/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 19.

Điều 18. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 34/2011/TT-BTNMT ngày 01 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy định kỹ thuật thành lập bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:100.000 bằng phương pháp đo vẽ trực tiếp

1. Thay thế cụm từ “Trung tâm Hải văn thuộc Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Khí tượng thủy văn” tại khoản 6 Điều 27; cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 43.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 40 và Điều 43.

Điều 19. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 41/2011/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và môi trường biển, hải đảo

Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 3; cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm b Mục 3.2 Phần 1 của Định mức kinh tế - kỹ thuật lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 41/2011/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 20. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 56/2013/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo từ biển theo tàu

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 32.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 32.

Điều 21. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 72/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:100.000

1. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 3 và điểm 2.2 Mục 2 Chương I Định mức kinh tế - kỹ thuật đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:100.000 ban hành kèm theo Thông tư số 72/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 3.

Điều 22. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 10/2016/TT-BTNMT ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về nội dung, thời điểm báo cáo về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” thành cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 7 và khoản 1, khoản 2 Điều 9.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 2; Điều 6; Điều 7; điểm b khoản 1 Điều 8; khoản 1, 2 Điều 9 và khoản 4 Điều 10.

3. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 9.

Điều 23. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 26/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết tiêu chí phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo và hướng dẫn việc phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 17.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1, khoản 3 Điều 17.

Điều 24. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 06/2017/TT-BTNMT ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác điều tra địa chất khoáng sản biển độ sâu từ 300 đến 2.500m nước và đánh giá tiềm năng khí hydrate các vùng biển Việt Nam tỷ lệ 1:500.000

1. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 3, điểm 6.5 Mục 6 và Mục 7 Phần I của

Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác điều tra địa chất khoáng sản biển độ sâu từ 300 đến 2.500m nước và đánh giá tiềm năng khí hydrate các vùng biển Việt Nam tỷ lệ 1:500.000 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BTNMT ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 3.

Điều 25. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 49/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Thống kê” bằng cụm từ “Cục Thống kê”, cụm từ “Cục thống kê cấp tỉnh” bằng cụm từ “Chi Cục thống kê cấp tỉnh” tại điểm a, khoản 2 Điều 5.

2. Thay thế cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 19.

3. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1, khoản 2 Điều 21.

Điều 26. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 57/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật điều tra, khảo sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển độ sâu từ 20m nước trở lên bằng tàu biển

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 62 Quy định kỹ thuật điều tra, khảo sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển độ sâu từ 20m nước trở lên bằng tàu biển ban hành kèm theo Thông tư số 57/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 3 và khoản 2 Điều 62 của Quy định kỹ thuật điều tra, khảo sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển độ sâu từ 20m nước trở lên bằng tàu biển ban hành kèm theo Thông tư số 57/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 27. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 58/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật hệ thống trạm quan trắc sóng và dòng chảy bề mặt biển bằng rada

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12 của Quy

định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật hệ thống trạm quan trắc sóng và dòng chảy bề mặt biển bằng rada ban hành kèm theo Thông tư số 58/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 3, Điều 4.

Điều 28. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 63/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:5.000

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại Điều 31.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm a khoản 9 Điều 18, Điều 31.

Điều 29. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 01/2018/TT-BTNMT ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật hệ thống quan trắc sóng và dòng chảy bề mặt biển và rada

Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 3, Điều 4.

Điều 30. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đánh giá chất nạo vét để nhận chìm ở biển và xác định khu vực biển để nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam

1. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 24.

2. Thay thế cụm từ “Tổng cục Thống kê” bằng cụm từ “Cục Thống kê”, cụm từ “Cục thống kê cấp tỉnh” bằng cụm từ “Chi Cục thống kê cấp tỉnh” tại điểm a khoản 2 Điều 7, điểm a khoản 2 Điều 16.

Điều 31. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 19/2020/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục chất phân tán được phép sử dụng trong vùng biển Việt Nam và hướng dẫn về quy trình sử dụng chất phân tán trong ứng phó sự cố tràn dầu trên biển

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 11.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 4, điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 13.

3. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 11.

Điều 32. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 18/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 1, khoản 2 Điều 2, khoản 8 Điều 3, khoản 2 Điều 4.

Điều 33. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 24/2023/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, khảo sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển độ sâu từ 20m nước trở lên bằng tàu biển

Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1, khoản 2 Điều 4, điểm 6.7 Mục 6 Phần I của Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, khảo sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển độ sâu từ 20m nước trở lên bằng tàu biển ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 34. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 13/2024/TT-BTNMT ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, khảo sát hải văn, hóa học và môi trường vùng ven bờ và hải đảo

Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1, khoản 3 Điều 4, điểm 6.7 mục 6 Phần I Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, khảo sát hải văn, hóa học và môi trường vùng ven bờ và hải đảo ban hành kèm theo Thông tư số 13/2024/TT-BTNMT ngày 21 tháng 08 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 35. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 17/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại và lập hồ sơ bồi thường thiệt hại về môi trường do sự cố tràn dầu xảy ra trong vùng biển Việt Nam

Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 16.

Điều 36. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 31/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật điều tra, khảo sát hải văn, môi trường vùng ven bờ và hải đảo

Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1, khoản 3 Điều 41.

Điều 37. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Thông tư số 03/2025/TT-BTNMT ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phạm vi điều tra cơ bản về tài nguyên điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới trên lãnh thổ Việt Nam

1. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1 Điều 30.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 4 khoản 5 Điều 4, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 28, khoản 1 khoản 2 Điều 30.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 39. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBTƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW có biển;
- Sở NN&MT tỉnh, thành phố trực thuộc TW có biển;
- Cục Kiểm tra văn bản và xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Bộ NN&MT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ, Cổng TTĐT Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, PC, BHĐ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Minh Ngân